

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 6
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	7 - 8
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	9 - 13
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2013	14 - 17
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2013	18 - 19
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013	20 - 57

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện trình bày báo cáo của mình cùng với báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (Công ty mẹ) và các công ty con, lợi ích của Tổng công ty tại các công ty liên kết và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát đã được kiểm toán.

Khái quát về Tổng Công ty

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện hoạt động theo Giấy phép thành lập số 3633/GP-UB, ngày 01 tháng 8 năm 1998 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội với thời gian hoạt động là 25 năm.

Trong quá trình hoạt động, Tổng Công ty đã 09 lần được Bộ Tài chính cấp Giấy phép điều chỉnh về việc tăng vốn điều lệ và thành lập thêm các công ty thành viên.

Vốn điều lệ thực tế đến ngày 31/12/2013

503.957.090.000 VND

Trong đó:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
<i>Cổ đông sáng lập</i>	281.123.560.000	55,78
Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam	182.256.480.000	36,16
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	44.452.800.000	8,82
Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam	35.562.240.000	7,06
Công ty Cổ phần Thương mại Bưu chính Viễn thông	10.469.300.000	2,08
Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội	8.382.740.000	1,66
<i>Cổ đông khác</i>	222.833.530.000	44,22
Cộng	503.957.090.000	100,00

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Điện thoại : 043 772 4466

Fax : 043 772 4460

Mã số thuế : 0 1 0 0 7 7 4 6 3 1

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
1 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Hồ Chí Minh	Số 18 Đinh Tiên Hoàng, P. Đa Kao, Q.1, TP Hồ Chí Minh
2 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Đà Nẵng	22 Đường Hàm Nghi, Phường Thạc Gián, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng
3 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Hải Phòng	Tầng 7 Tòa nhà Trung tâm Thương mại, số 22 Lý Tự Trọng, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng
4 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Cần Thơ	2A1 Đường 30/4, Phường Xuân Khánh, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ
5 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Bắc Trung bộ	16 Nguyễn Thị Minh Khai, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An
6 Công ty Bảo hiểm Bưu điện khu vực Phía Bắc	Đường Nguyễn Tất Thành, Trưng Vương, Thành Phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ
7 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Đồng Nai	Số R64, R65 Võ Thị Sáu nối dài, Phường Thống Nhất, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai
8 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Tây Nguyên	27 Trần Khánh Dư, Phường Tân Lợi, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
9 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Nam Trung bộ	Số 12E Đường Hoàng Hoa Thám, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
10 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Cà Mau	43 Trần Hưng Đạo, Phường 5, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau
11 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Bình Định	Tầng 4 số 2 Trần Thị Ký, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
12 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Bình Dương	Số 150 đường Ngô Gia Tự, Phường Chánh Nghĩa, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
13 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Quảng Ninh	156B tầng 3 tòa nhà Đại Hải, Lê Thánh Tông, Phường Bạch Đằng, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh
14 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Thanh Hóa	Tầng 5, Số 11 Hạc Thành, Phường Điện Phủ, TP.Thanh Hoá
15 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Khu vực Bình Trị Thiên	Tầng 2, toà nhà 51 Hai Bà Trưng, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế
16 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Thăng Long	100 Thái Thịnh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
17 Công ty Bảo hiểm Bưu điện An Giang	Số 5/2 Đường Tôn Đức Thắng, Phường Mỹ Bình, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
18 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Long An	Số 113 Hùng Vương, Phường 2, Thị xã Tân An, Tỉnh Long An
19 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Vĩnh Phúc	Số 2, Đường Ngô Quyền, Thị xã Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc
20 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Sài Gòn	Phòng 2-3, tầng 3, tòa nhà Gilimex, 24 Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
21 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Bắc Ninh	16 Đường Lý Thái Tổ, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh.
22 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Lào Cai	Số 121 Đường Thanh Niên, P Duyên hải, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai
23 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Khu vực Nam Sông Hồng	Số 08, Đường Lê Đại Hành, Phường Thanh Bình, Thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình.
24 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Bến Thành	Số 216 Đường Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
25 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Hà Nội	A4D6 Khu đô thị mới Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
26 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Hải Hưng	Số 108, Nguyễn Lương Bằng, TP.Hải Dương, tỉnh Hải Dương
27 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Tiền Giang	Số 59, đường 30/4, Phường 1, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
28 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Thủ Đô	Tầng 2, số 12 Hoàng Cầu, Ba Đình, Hà Nội
29 Văn phòng đại diện Tổng Công ty Khu vực phía Nam	Số 27, Nguyễn Đình Chiểu, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Lĩnh vực kinh doanh: kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ

Các nghiệp vụ được phép kinh doanh:

- Kinh doanh bảo hiểm gốc:
 - Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người;
 - Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại;
 - Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển đường bộ, đường biển, đường sông, đường sắt và đường hàng không;
 - Bảo hiểm trách nhiệm chung;
 - Bảo hiểm xe cơ giới;
 - Bảo hiểm cháy, nổ;
 - Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh.
- Kinh doanh tái bảo hiểm: Nhận và nhượng tái bảo hiểm liên quan đến các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ.
- Tiến hành các hoạt động đầu tư theo quy định của pháp luật.
- Giám định tổn thất.
- Đại lý giám định tổn thất, xét giải quyết bồi thường, yêu cầu người thứ ba bồi hoàn.
- Các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ vốn góp cam kết
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Việt Nam	Tầng 3 Số 157 Trần Phú, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội	Đại lý mua bán, phân phối các sản phẩm dầu thô, xăng dầu, khí đốt, dầu nhờn và các sản phẩm hóa dầu; Sản xuất, chế biến các sản phẩm xăng dầu, khí đốt; pha chế dầu nhờn các sản phẩm hóa dầu, gas, chiết nạp gas; tái chế phế phẩm từ xăng dầu.	51,00%
Công ty Cổ phần IBS Việt Nam	Số 9, ngách 67 Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai, Hà Nội	Thiết kế mạng thông tin, bưu chính viễn thông công trình xây dựng; Sản xuất, mua bán, cho thuê máy móc, vật tư, thiết bị linh kiện, phụ tùng công nghệ cao trong lĩnh vực bưu chính viễn thông.	98%

Các công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ vốn góp cam kết
Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện	Tầng 5 Lô 18 Khu Đô Thị Định Công, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội	Kinh doanh và cho thuê bất động sản, văn phòng làm việc, căn hộ, nhà ở, khách sạn, nhà hàng, ki ốt, trung tâm thương mại, siêu thị	49,00%

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ vốn góp cam kết
Công ty Cổ phần Viễn thông Tin học Điện tử (KASATI)	270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP Hồ Chí Minh	Sản xuất lắp ráp thiết bị viễn thông điện tử tin học.	21,30%
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Lanexang	Số 13, đường Suphanuvong, thành phố Viêng Chăn, Cộng hòa DCND Lào	Kinh doanh lĩnh vực Bảo hiểm phi nhân thọ	40,00%

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Tổng Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 09 đến trang 57).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Tổng Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phạm Anh Tuấn	Chủ tịch	27 tháng 4 năm 2011	
Ông Hồ Công Trung	Ủy viên	14 tháng 5 năm 2010	
Ông Mai Xuân Dũng	Ủy viên	14 tháng 5 năm 2010	
Ông Hàn Ngọc Vũ	Ủy viên	14 tháng 5 năm 2010	25 tháng 4 năm 2013
Ông Nguyễn Trường Giang	Ủy viên	14 tháng 4 năm 2011	
Bà Phạm Thị Minh Hương	Ủy viên	25 tháng 4 năm 2013	

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Quốc Kế	Trưởng Ban	14 tháng 5 năm 2010
Ông Đỗ Anh Tuấn	Thành viên	14 tháng 5 năm 2010
Bà Nguyễn Hồng Linh	Thành viên	25 tháng 4 năm 2013
Bà Nguyễn Thị Hà Ninh	Thành viên	25 tháng 4 năm 2013

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Trường Giang	Tổng Giám đốc	17 tháng 4 năm 2011
Ông Nguyễn Đức Bình	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 1 năm 2008
Ông Bùi Xuân Thu	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 7 năm 2010
Ông Đỗ Quang Khánh	Phó Tổng Giám đốc	30 tháng 3 năm 2011
Ông Huỳnh Việt Khoa	Phó Tổng Giám đốc	30 tháng 3 năm 2011

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ theo Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Quyết định số 1296TC/QĐ/CDKT ngày 31 tháng 12 năm 1996, sửa đổi bổ sung theo các Quyết định số 150/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ Kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tổng Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Quyết định số 1296TC/QĐ/CDKT ngày 31 tháng 12 năm 1996, sửa đổi bổ sung theo các Quyết định số 150/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ Kế toán của Bộ Tài chính.



Nguyễn Trường Giang
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2014



**BAKER TILLY
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.



Headquarters : 2 Trưng Sơn St., W. 2, Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ho Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang: 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0349/2014/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CỐ ĐỒNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện và các công ty con (gọi chung là Tổng Công ty), được lập ngày 29 tháng 3 năm 2014, từ trang 09 đến trang 57, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Hoàng Đức

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0368-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2014

Kiểm toán viên

Phạm Quang Huy

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1409-2013-008-1

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.024.438.909.153	1.090.589.267.959
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	46.283.085.159	72.097.225.837
1. Tiền mặt tại quỹ	111		5.590.135.498	8.157.350.734
2. Tiền gửi ngân hàng	112		38.129.949.661	46.569.390.707
3. Tiền đang chuyển	113		363.000.000	-
4. Các khoản tương đương tiền	114		2.200.000.000	17.370.484.396
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	627.091.744.305	656.125.301.034
1. Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	121		43.913.364.808	23.762.129.534
2. Đầu tư ngắn hạn khác	128		583.290.000.000	633.120.000.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(111.620.503)	(756.828.500)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		319.905.275.944	317.455.484.654
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	195.643.607.519	199.080.436.331
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	56.479.039.329	25.229.431.736
3. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	133		1.610.382.165	11.369.563.664
4. Phải thu nội bộ ngắn hạn	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	V.5	115.875.187.591	110.971.130.774
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(49.702.940.660)	(29.195.077.851)
IV. Hàng tồn kho	140		8.645.993.844	24.828.873.360
1. Hàng mua đang đi đường	141		-	-
2. Nguyên liệu, vật liệu	142		6.497.507.297	6.412.637.524
3. Công cụ, dụng cụ	143		235.547.118	109.919.102
4. Chi phí kinh doanh dở dang	144		-	15.272.053
5. Hàng hoá	145		1.912.939.429	18.291.044.681
6. Hàng gửi đi bán	146		-	-
7. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		22.512.809.901	20.082.383.074
1. Tạm ứng	151		17.614.590.891	15.421.683.436
2. Chi phí trả trước ngắn hạn	152	V.7	1.031.060.826	782.976.684
3. Tài sản thiếu chờ xử lý	153		-	-
4. Các khoản cầm cố, ký quỹ ngắn hạn	154		3.197.261.263	3.028.775.859
5. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	155	V.8	669.896.921	848.947.095
6. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
7. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		701.900.517.781	568.201.562.819
I. Các khoản phải thu dài hạn	201		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	202		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	203		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	204		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	205		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	206		-	-
II. Tài sản cố định	210		81.781.062.012	92.371.616.021
1. Tài sản cố định hữu hình	211	V.9	36.047.481.458	46.059.026.760
<i>Nguyên giá</i>	212		82.135.211.812	91.805.958.116
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	213		(46.087.730.354)	(45.746.931.356)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	214		-	-
<i>Nguyên giá</i>	215		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	216		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	217	V.10	45.733.580.554	46.312.589.261
<i>Nguyên giá</i>	218		48.244.677.011	48.137.677.011
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	219		(2.511.096.457)	(1.825.087.750)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	220		463.364.809.107	332.401.846.621
1. Đầu tư vào công ty con	223		-	-
2. Đầu tư chứng khoán dài hạn	221		-	-
3. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	222	V.11	113.046.216.392	114.581.270.187
4. Đầu tư dài hạn khác	228	V.12	356.817.037.308	222.156.058.788
5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	229	V.13	(6.498.444.593)	(4.335.482.354)
IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.14	124.672.384.222	109.509.366.026
V. Bất động sản đầu tư	231	V.15	6.994.763.527	6.994.763.527
<i>Nguyên giá</i>	232		6.994.763.527	6.994.763.527
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	233		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	240		25.087.498.913	26.923.970.624
1. Ký quỹ bảo hiểm	241		10.780.000.000	10.080.000.000
2. Cầm cố, ký quỹ, ký cược dài hạn khác	242		4.900.328.240	5.240.667.966
3. Chi phí trả trước dài hạn	243	V.16	9.407.170.673	11.603.302.658
4. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	244		-	-
5. Tài sản dài hạn khác	248		-	-
VII. Lợi thế thương mại	249		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	250		1.726.339.426.934	1.658.790.830.778

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.066.601.321.460	992.700.882.163
I. Nợ ngắn hạn	310		203.783.360.079	185.778.090.812
1. Vay ngắn hạn	311	V.17	3.500.000.000	18.000.000.000
2. Nợ dài hạn đến hạn trả	312		-	100.000.000
3. Phải trả người bán	313	V.18	105.857.543.552	88.518.597.724
4. Người mua trả tiền trước	314	V.19	4.344.377.211	6.466.141.274
5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	315	V.20	21.348.412.599	25.393.809.814
6. Phải trả người lao động	316		30.774.926.552	27.098.706.031
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	318	V.21	37.958.060.528	20.196.646.332
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	319		39.637	4.189.637
10. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	319.1		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	319.2		-	-
II. Nợ dài hạn	320		36.329.125.528	40.711.646.057
1. Vay dài hạn	321		-	-
2. Nợ dài hạn	322		-	-
3. Phát hành trái phiếu	323		-	-
4. Phải trả dài hạn người bán	324		-	-
5. Phải trả dài hạn nội bộ	325		-	-
6. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	326		215.900.487	-
7. Phải trả dài hạn khác	327		-	-
8. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	328		-	-
9. Dự phòng phải trả dài hạn	329		-	-
10. Doanh thu chưa thực hiện	329.1		36.113.225.041	40.711.646.057
11. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	329.2		-	-
III Dự phòng nghiệp vụ	330		824.829.283.698	765.102.380.274
1 Dự phòng phí	331		634.173.247.924	593.979.953.708
2 Dự phòng toán học	332		-	-
3 Dự phòng bồi thường	333		154.148.087.038	147.559.532.957
4 Dự phòng giao động lớn	334		36.507.948.736	23.562.893.609
5 Dự phòng chia lãi	335		-	-
6 Dự phòng bảo đảm cân đối	336		-	-
IV Nợ khác	340		1.659.552.155	1.108.765.020
1 Chi phí phải trả	341		369.389.019	667.601.884
2 Tài sản thừa chờ xử lý	342		-	-
3 Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	343		1.290.163.136	441.163.136

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		658.782.932.851	661.779.115.796
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	658.782.932.851	661.779.115.796
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		503.957.090.000	503.957.090.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	411.1		60.296.215.488	60.296.215.488
3. Cổ phiếu quỹ	411.2		-	-
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	412		-	-
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	413		-	-
6. Vốn khác của chủ sở hữu	411.3		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	414		17.491.684.675	16.833.594.811
8. Quỹ dự phòng tài chính	415		-	-
9. Quỹ dự trữ bắt buộc	416		22.476.110.676	22.449.937.984
10. Quỹ dự trữ tự nguyện	417		-	-
11. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	417.1		-	-
12. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	418		54.561.832.012	58.242.277.513
13. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	419		-	-
14. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp			-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	420		-	-
1. Nguồn kinh phí	425		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	428		-	-
C - LỢI ÍCH CÓ ĐỒNG THIỂU SỐ	429	V.23	955.172.623	4.310.832.819
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		1.726.339.426.934	1.658.790.830.778

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	
		Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Hợp đồng bảo hiểm gốc chưa phát sinh trách nhiệm		171.067.133.877	177.061.319.778
6. Hợp đồng nhận tái bảo hiểm chưa phát sinh trách nhiệm		-	-
7. Hợp đồng nhượng tái bảo hiểm chưa phát sinh trách nhiệm		-	-
8. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		98.184,59	173.994,37
Euro (EUR)		887,83	898,75
Bảng Anh (£)		367,63	374,05
9. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu

Nguyễn Ngọc Khuê

Q.Kế toán trưởng

Cao Thu Hiền

Lập, ngày 29 tháng 3 năm 2014

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trường Giang

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**(Dạng đầy đủ)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

PHẦN I: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Thu phí bảo hiểm gốc	01		1.478.443.828.460	1.663.194.286.589
2. Thu phí nhận tái bảo hiểm	02		97.901.515.041	89.582.865.405
3. Các khoản giảm trừ (03 = 04 + 05 + 06 + 07)	03		281.839.830.865	535.522.875.073
Phí nhượng tái bảo hiểm	04		259.799.149.388	509.509.159.202
Giảm phí bảo hiểm	05		7.448.326.622	9.989.532.234
Hoàn phí bảo hiểm	06		14.592.354.855	16.024.183.637
Các khoản giảm trừ khác	07		-	-
4. Tăng (giảm) dự phòng phí	08		40.193.294.216	145.625.628.678
5. Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	09		67.482.408.759	66.128.174.319
6. Thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10=11+12+13)	10		575.366.374	3.642.646.732
Thu nhận tái bảo hiểm	11		32.118.831	130.150
Thu nhượng tái bảo hiểm	12		163.548.473	2.093.187.985
Thu khác	13		379.699.070	1.549.328.597
7. Doanh thu hoạt động kinh doanh bảo hiểm (14 = 01 + 02 - 03 +/- 08 + 09 + 10)	14	VI.1	1.322.369.993.553	1.141.399.469.294
8. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	14.1	VI.2	213.205.967.073	334.686.568.440
9. Chi bồi thường Bảo hiểm gốc	15		564.485.677.368	555.597.501.169
10. Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	16		53.631.324.889	38.343.015.853
11. Các khoản giảm trừ (17=18+19+20)	17		61.855.784.823	59.110.206.497
Thu bồi thường nhượng Tái bảo hiểm	18		54.474.960.065	54.084.321.714
Thu đòi người thứ ba bồi hoàn	19		67.380.182	24.000.000
Thu hàng đã xử lý bồi thường 100%	20		7.313.444.576	5.001.884.783
12. Bồi thường thuộc phần trách nhiệm giữ lại (21 = 15 + 16 - 17)	21		556.261.217.434	534.830.310.525
13. Chi bồi thường từ dự phòng dao động lớn	22		-	80.000.000.000
14. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường	23		6.588.554.081	10.494.035.647
15. Số trích dự phòng dao động lớn trong năm	24		12.945.055.127	12.172.542.804

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
16. Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (25 = 26 + 34 + 39 + 40)	25		217.639.269.180	201.416.408.083
Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc (26 = 27 + 28 + 29 + 30 + 31 + 32 + 33)	26		193.986.398.782	180.015.456.766
+ Chi hoa hồng	27		166.082.270.356	148.738.487.407
+ Chi giám định tổn thất	28		6.777.928.449	6.765.308.518
+ Chi đòi người thứ 3	29		157.304.075	-
+ Chi xử lý hàng bồi thường 100%	30		3.603.737	34.999.998
+ Chi đánh giá rủi ro của đối tượng bảo hiểm	31		279.145.465	72.884.455
+ Chi đề phòng hạn chế rủi ro, tổn thất	32		12.945.385.233	13.776.008.697
+ Chi khác	33		7.740.761.467	10.627.767.691
Chi khác hoạt động kinh doanh nhận tái bảo hiểm (34 = 35 + 36 + 38)	34		23.652.870.398	19.507.866.062
+ Chi hoa hồng	35		22.614.718.636	19.148.170.122
+ Chi đánh giá rủi ro của đối tượng bảo hiểm	36		-	-
+ Chi khác	38		1.038.151.762	359.695.940
Chi hoạt động nhượng tái bảo hiểm	39		-	1.893.085.255
Chi phí trực tiếp kinh doanh hoạt động khác	40		-	-
17. Tổng chi trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (41 = 21 - 22 +/- 23 + 24 + 25)	41		793.434.095.822	678.913.297.059
18. Giá vốn cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác	41.1	VI.3	204.303.981.049	318.803.357.741
19. Lợi nhuận gộp (42 = 14 + 14.1 - 41 - 41.1)	42		537.837.883.755	478.369.382.934
20. Chi phí bán hàng	43	VI.4	93.136.054.781	67.664.535.550
21. Chi phí quản lý doanh nghiệp	44	VI.5	437.831.999.920	424.356.067.207
22. Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh (45 = 42 - 43 - 44)	45		6.869.829.054	(13.651.219.823)
23. Doanh thu hoạt động tài chính	46	VI.6	101.351.741.909	113.009.821.266
24. Chi phí hoạt động tài chính	47	VI.7	34.840.948.826	11.859.827.138
25. Lợi nhuận hoạt động tài chính (51 = 46 - 47)	51		66.510.793.083	101.149.994.128
26. Thu nhập khác	52		765.429.979	2.271.954.263
27. Chi phí khác	53		1.034.467.398	404.945.214
28. Lợi nhuận khác (54 = 52 - 53)	54		(269.037.419)	1.867.009.049

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
29. Lãi (lỗ) từ Công ty liên kết, liên doanh	54.1		(1.150.911.821)	(3.780.713.591)
30. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (56 = 45 + 51 + 54+54.1)	55		71.960.672.897	85.585.069.763
31. Các khoản điều chỉnh tăng (+) hoặc giảm (-) lợi nhuận để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	56		(4.695.960.292)	(2.031.630.784)
32. Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN (57=55+56)	57		67.264.712.605	83.553.438.979
33. Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	59		67.264.712.605	83.553.438.979
34. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	60		(16.926.205.352)	(20.508.202.003)
35. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	60.1		(215.900.487)	-
36. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (61 = 55 - 60 - 60.1)	61		<u>54.818.567.058</u>	<u>65.076.867.760</u>
37. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61.1		(34.723.905)	580.901.996
38. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	61.2		54.853.290.963	64.495.965.764
39. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	62	VL8	<u>1.088</u>	<u>1.280</u>

Lập, ngày 29 tháng 3 năm 2014

Người lập biểu

Nguyễn Ngọc Khuê

Q.Kế toán trưởng

Cao Thu Hiền



Tổng Giám đốc

Nguyễn Trường Giang

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất (tiếp theo)

PHẦN II: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị tính VND			
		Số còn phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số còn phải nộp cuối năm
I. Thuế (10 = 11 + 12 + 13 + 14 + 15 + 16 + 17 + 18 + 19)	10	24.544.862.719	94.854.455.082	98.720.802.123	20.678.515.678
1. Thuế GTGT hàng bán nội địa	11	5.957.121.121	63.696.546.908	63.701.410.049	5.952.257.980
2. Thuế GTGT hàng nhập khẩu	12	98.959.035	-	175.362.454	(76.403.419)
3. Thuế tiêu thụ đặc biệt	13	-	-	-	-
4. Thuế xuất, nhập khẩu	14	47.123.350	-	47.123.350	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp	15	17.200.855.901	16.926.205.352	20.765.808.298	13.361.252.955
6. Thuế thu nhập cá nhân	16	1.166.689.251	13.849.650.127	13.641.013.927	1.375.325.451
7. Thuế tài nguyên	17	-	-	-	-
8. Thuế nhà đất, tiền thuê đất	18	-	-	-	-
9. Các loại thuế khác	19	74.114.061	382.052.695	390.084.045	66.082.711
Thuế môn bài	20	-	-	-	-
Thuế nhà thầu	21	-	-	-	-
II. Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác (30 = 31 + 32 + 33)	30	-	-	-	-
1. Các khoản phụ thu	31	-	-	-	-
2. Các khoản phí, lệ phí	32	-	-	-	-
3. Các khoản khác	33	-	-	-	-
Tổng cộng (40=10+30) (*)	40	24.544.862.719	94.854.455.082	98.720.802.123	20.678.515.678
(*) Tổng số thuế còn phải nộp năm trước chuyển sang năm nay					24.544.862.719
Trong đó: Thuế Thu nhập doanh nghiệp					17.200.855.901

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế còn phải nộp cuối năm (Thuyết minh số V.20)	21.348.412.599	25.393.809.814
Thuế và các khoản phải thu nhà nước cuối năm (Thuyết minh số V.8)	669.896.921	848.947.095

Lập, ngày 29 tháng 3 năm 2014

Người lập biểu

Nguyễn Ngọc Khuê

Q.Kế toán trưởng

Cao Thu Hiền

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trường Giang

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	71.960.672.897	85.585.069.763
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	8.354.294.318	11.964.845.943
- Các khoản dự phòng	03	81.752.520.475	95.443.381.023
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	27.614.774	(190.713.240)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(84.915.113.744)	(95.411.561.897)
- Chi phí lãi vay	06	2.055.829.541	2.637.433.795
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	79.235.818.261	100.028.455.387
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(41.539.432.431)	116.826.082.593
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	16.182.879.516	(17.555.377.485)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	31.505.191.474	(22.355.886.974)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	4.528.970.963	(1.922.776.991)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(2.055.829.541)	(2.752.397.752)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(20.765.808.298)	(20.768.467.308)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	13.418.153.628	32.794.309.069
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(15.539.813.087)	(64.620.220.754)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	64.970.130.485	119.673.719.785
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(17.043.177.429)	(60.474.177.791)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	245.545.455
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(542.850.765.634)	(869.548.885.258)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	437.681.810.634	579.125.921.234
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(2.520.000.000)	(1.475.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	20.280.000.000	1.170.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	83.173.767.070	63.161.965.296
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(21.278.365.359)	(287.794.631.064)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay		Năm trước	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-		-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-		-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.17	41.500.000.000		74.601.223.472
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(56.100.000.000)		(72.461.039.988)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-		-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(54.905.995.042)		(57.177.808.012)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(69.505.995.042)		(55.037.624.528)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(25.814.229.916)		(223.158.535.807)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	72.097.225.837		295.255.761.644
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		89.238		-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	46.283.085.159		72.097.225.837

Người lập biểu



Nguyễn Ngọc Khuê

Q.Kế toán trưởng



Cao Thu Hiền

Lập, ngày 29 tháng 3 năm 2014

Tổng Giám đốc




Nguyễn Trường Giang

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm Báo cáo tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện, các công ty con và lợi ích của Tổng Công ty tại các công ty liên kết.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn của Công ty mẹ : Công ty Cổ phần
2. Lĩnh vực kinh doanh : Bảo hiểm phi nhân thọ
3. Hoạt động kinh doanh chính trong năm : Cung cấp các dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ

4. Tổng số các công ty con : 02

Trong đó:

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 02

Số lượng các công ty con không được hợp nhất: -

5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu theo cam kết	Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Việt Nam	Tầng 3 Số 157 Trần Phú, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội	51%	93,67%
Công ty Cổ phần IBS Việt Nam	Số 9, ngách 67 Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai, Hà Nội	98%	98%

6. Danh sách các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu theo cam kết	Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện	Tầng 5 Lô 18 Khu Đô Thị Định Công, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội	49,00%	95,32%
Công ty Cổ phần Viễn thông Tin học Điện tử (KASATI)	270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP Hồ Chí Minh	21,30%	21,30%
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Lanexang	Số 13, đường Suphanuvong, thành phố Viêng Chăn, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	40,00%	40,00%

7. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện có 1.096 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 1.067 nhân viên).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Quyết định số 1296TC/QĐ/CĐKT ngày 31 tháng 12 năm 1996, sửa đổi bổ sung theo các Quyết định số 150/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ Kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chế độ Kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Quyết định số 1296TC/QĐ/CĐKT ngày 31 tháng 12 năm 1996, sửa đổi bổ sung theo Quyết định số 150/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ Kế toán của Bộ Tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Tổng Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tổng Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nằm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tổng Công ty phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tổng Công ty trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tổng Công ty có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tổng Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tổng Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tổng Công ty trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tổng Công ty. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tổng Công ty thì

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, để dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

7. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	50
Máy móc và thiết bị	5 – 7
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tổng Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tổng Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không tính khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời hạn sử dụng.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

12. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

13. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí phát triển đại lý

Chi phí phát triển đại lý được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

Tiền thuê văn phòng

Tiền thuê văn phòng được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê.

Công cụ dụng cụ

Công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng có giá trị từ 5 triệu đồng trở lên phân bổ 2 năm.

14. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

15. Các quỹ dự phòng nghiệp vụ

Tổng Công ty trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm theo quy định tại Thông tư số 125/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 30 tháng 7 năm 2012 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 46/2007/NĐ-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harco, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ về Chế độ tài chính đối với Doanh nghiệp bảo hiểm và Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm.

Dự phòng phí chưa được hưởng

Dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập theo tỷ lệ phần trăm của tổng phí bảo hiểm giữ lại, cụ thể:

- Đối với bảo hiểm hàng hoá, dự phòng phí chưa được hưởng được trích bằng 25% trên tổng phí giữ lại.
- Đối với các nghiệp vụ bảo hiểm khác, dự phòng phí chưa được hưởng được trích bằng 50% trên tổng phí giữ lại.

Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường cho các yêu cầu bồi thường chưa giải quyết được Tổng Công ty trích lập theo phương pháp từng hồ sơ trên cơ sở ước tính tổn thất phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm của Tổng Công ty.

Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu bồi thường được trích lập theo công thức sau đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm:

Dự phòng bồi thường cho tổn thất đã phát sinh chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu bồi thường cho năm tài chính hiện tại	=	Tổng số tiền bồi thường cho tổn thất đã phát sinh chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu bồi thường của 3 năm tài chính trước liên tiếp	x	Số tiền bồi thường phát sinh của năm tài chính hiện tại	x	Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh Bảo hiểm của năm tài chính hiện tại	x	Thời gian chậm yêu cầu bồi thường bình quân của năm tài chính hiện tại
		Tổng số tiền bồi thường phát sinh của 3 năm tài chính trước liên tiếp				Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm của năm tài chính trước		Thời gian chậm yêu cầu bồi thường BQ của năm tài chính trước

Dự phòng dao động lớn

Dự phòng bồi thường cho các dao động lớn về tổn thất được trích lập hàng năm cho đến khi khoản dự phòng này bằng 100% phí thực giữ lại trong năm tài chính. Mức trích lập trong năm là 1% phí giữ lại.

Ngày 28 tháng 12 năm 2005, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC về việc ban hành và công bố bốn chuẩn mực kế toán Việt Nam bao gồm Chuẩn mực kế toán số 19 về Hợp đồng bảo hiểm. Theo đó, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2006, việc trích lập dự phòng dao động lớn là không cần thiết do khoản dự phòng này phản ánh “các yêu cầu bồi thường không tồn tại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính”. Tuy nhiên, Bộ Tài chính chưa có hướng dẫn cụ thể việc áp dụng Chuẩn mực kế toán số 19 và theo quy định tại Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 về việc quy định Chế độ tài chính đối với Doanh nghiệp bảo hiểm, Tổng Công ty hiện vẫn trích lập dự phòng dao động lớn.

16. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Tổng Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

17. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

18. Trích lập các quỹ

Quỹ dự trữ bắt buộc

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập với mục đích bổ sung vốn điều lệ và đảm bảo khả năng thanh toán của Tổng Công ty. Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập bằng 5% lợi nhuận sau thuế hàng năm và số dư tối đa bằng 10% vốn điều lệ theo quy định tại Nghị định số 46/2007/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 27 tháng 3 năm 2007.

Các quỹ khác

Các quỹ khác được trích lập và sử dụng theo Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

20. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng Công thương công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2012 :20.815 VND/USD

31/12/2013 :21.085 VND/USD

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, chi phí và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc

Doanh thu phí bảo hiểm gốc

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư số 125/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 30 tháng 7 năm 2012 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ về Chế độ tài chính đối với Doanh nghiệp bảo hiểm và Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm. Cụ thể như sau:

- (1) Khi hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết giữa doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm hoặc có bằng chứng doanh nghiệp bảo hiểm đã chấp nhận bảo hiểm và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm.
- (2) Hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và doanh nghiệp bảo hiểm có thoả thuận cho bên mua bảo hiểm nợ phí bảo hiểm trong hợp đồng bảo hiểm.

Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm thoả thuận với bên mua bảo hiểm việc đóng phí bảo hiểm theo kỳ thì doanh nghiệp hạch toán vào thu nhập tương ứng với kỳ hoặc các kỳ phí bảo hiểm đã phát sinh, không hạch toán vào thu nhập phần phí bảo hiểm chưa đến kỳ bên mua bảo hiểm phải nộp phí theo thoả thuận.

Phí bảo hiểm nhận trước khi chưa đến hạn tại ngày cuối của niên độ kế toán được ghi nhận ở chi tiêu "Người mua trả tiền trước" trên Bảng cân đối kế toán.

Chi bồi thường

Chi phí bồi thường được ghi nhận khi hồ sơ bồi thường hoàn tất và được người có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp chưa có kết luận số tiền bồi thường cuối cùng nhưng Tổng Công ty chắc chắn tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm và thanh toán một phần số tiền bồi thường cho khách hàng. Những vụ bồi thường chưa được phê duyệt tại thời điểm cuối kỳ được coi là chưa giải quyết và được thống kê để trích lập dự phòng bồi thường.

Hoa hồng

Chi phí hoa hồng được tính theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu phí bảo hiểm gốc thực thu và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Hoa hồng của mỗi loại sản phẩm được tính theo tỷ lệ riêng theo Thông tư số 124/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc thi hành Nghị định số 45/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ về Luật kinh doanh bảo hiểm và Thông tư 86/2009/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2009 của BTC.

Hoạt động nhận tái bảo hiểm

Nhận tái bảo hiểm theo các thoả thuận tái bảo hiểm cố định

Doanh thu và chi phí nhận tái bảo hiểm theo các thoả thuận tái bảo hiểm cố định được ghi nhận khi nhận được các bảng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm. Tại thời điểm lập các báo cáo tài chính, chi phí liên quan đến những giao dịch nằm trong phạm vi của các thoả thuận tái bảo hiểm cố định nhưng chưa nhận được bảng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm sẽ được ước tính dựa trên số liệu thống kê và số liệu ước tính của nhà nhượng tái bảo hiểm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Nhận tái bảo hiểm theo các hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời

Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và đã nhận được bảng kê thanh toán (đối với từng thoả thuận tái bảo hiểm tạm thời) từ công ty nhượng tái bảo hiểm.

Chi phí bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh nghĩa vụ bồi thường theo cam kết và nhận được bảng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm.

Hoa hồng nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi chấp nhận thoả thuận tái bảo hiểm và nhận được bảng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm.

Hoạt động nhượng tái bảo hiểm

Phí nhượng tái bảo hiểm theo các thoả thuận bảo hiểm cố định được ghi nhận khi doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi các thoả thuận này đã được ghi nhận.

Phí nhượng tái bảo hiểm tạm thời được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi hợp đồng này đã được ghi nhận.

Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi có bằng chứng hiện hữu về nghĩa vụ của bên nhận tái bảo hiểm.

Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận.

Hoạt động đầu tư

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

Chi phí hoạt động đầu tư

Chi phí hoạt động đầu tư bao gồm các chi phí tập hợp trực tiếp phát sinh liên quan đến hoạt động đầu tư và chi phí dùng chung phân bổ.

Chi phí tập hợp trực tiếp bao gồm: chi phí lương bộ phận đầu tư, chi phí quản lý danh mục đầu tư, dự phòng giảm giá các khoản đầu tư, lỗ kinh doanh chứng khoán, chi phí giao dịch chứng khoán, chi phí liên quan đến hoạt động bất động sản.

Chi phí dùng chung phân bổ cho bộ phận đầu tư theo tỷ lệ doanh thu hoạt động tài chính trên tổng doanh thu thực hiện trong năm.

22. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tổng Công ty gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Tổng Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phải sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phải sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tổng Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được xác định theo giá hợp lý, các tài sản tài chính khác được ghi nhận theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

23. Nợ phải trả tài chính

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và các khoản nợ phải trả tài chính khác.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Tổng Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý.

Nợ phải trả tài chính khác

Các khoản nợ phải trả tài chính khác gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tổng Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

24. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tổng Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

25. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

26. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trọng năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	5.590.135.498	8.157.350.734
Tiền gửi ngân hàng	38.129.949.661	46.569.390.707
Tiền đang chuyển	363.000.000	
Các khoản tương đương tiền (<i>Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống</i>)	2.200.000.000	17.370.484.396
Cộng	46.283.085.159	72.097.225.837

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		43.913.364.808		23.762.129.534
VFA	1.482.000	9.500.628.629	1.482.000	9.500.628.629
VNR	1.500.000	14.261.500.905	1.500.000	14.261.500.905
BCC	264.300	1.398.864.427		
DMC	10.000	466.198.250		
DXG	84.190	1.022.124.391		
HDG	99.100	1.482.114.620		
IMP	29.450	1.075.085.607		
SVC	60.000	901.350.000		
TCL	111.410	2.795.186.500		
TLG	18.856	526.411.843		
VSC	9.600	500.950.300		
VF4	198.470	1.515.642.058		
CLC	89.890	2.126.212.448		
GMC	72.240	1.691.186.666		
HAG	70.000	1.535.334.003		
RAL	4.240	227.248.312		
SZL	39.220	654.223.486		
VPK	67.650	2.233.102.363		
Đầu tư ngắn hạn khác		583.290.000.000		633.120.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn từ 1 năm trở xuống		558.770.000.000		589.600.000.000
Ủy thác đầu tư ngắn hạn		24.520.000.000		43.520.000.000
Cộng		627.203.364.808		656.882.129.534
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		(111.620.503)		(756.828.500)
Giá trị thuần của các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		627.091.744.305		656.125.301.034

(*) Là dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu về phí bảo hiểm gốc	162.364.270.787	153.722.116.582
Phải thu về tài bảo hiểm	19.838.217.782	20.346.649.744
Phải thu khác của khách hàng	13.441.118.950	25.011.670.005
Cộng	195.643.607.519	199.080.436.331

4. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước về bồi thường bảo hiểm gốc	50.232.848.217	21.515.400.814
Trả trước khác về hoạt động bảo hiểm gốc	173.872.441	300.663.871
Trả trước cho nhà cung cấp khác	6.072.318.671	3.413.367.051
Cộng	56.479.039.329	25.229.431.736

5. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi dự thu hoạt động tài chính	80.230.511.731	78.183.297.910
Phải thu Công ty TNHH SX và TM Khai Thành	5.614.181.754	5.614.181.754
Phải thu bồi thường hộ	2.099.933.058	2.071.956.404
Các khoản phải thu khác	27.930.561.048	25.101.694.706
Cộng	115.875.187.591	110.971.130.774

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn:		
Dưới 1 năm	2.495.886.336	1.578.475.975
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	3.522.272.249	4.888.933.036
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	5.558.636.852	3.928.317.569
Từ 3 năm trở lên	38.126.145.224	18.799.351.272
Cộng	49.702.940.660	29.195.077.851

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	77.217.164	78.712.207
Tiền thuê nhà	626.211.042	211.557.736
Chi phí khác	327.632.620	492.706.741
Cộng	1.031.060.826	782.976.684

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế giá trị gia tăng	318.455.477	614.547.293
Thuế thu nhập cá nhân	278.342.842	167.601.237
Các loại thuế khác	73.098.602	66.798.565
Cộng	<u>669.896.921</u>	<u>848.947.095</u>

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	10.397.348.781	7.950.838.951	52.408.365.257	21.049.405.127	91.805.958.116
Mua sắm mới		219.865.467		737.621.180	957.486.647
XDCB hoàn thành		851.246.694			851.246.694
Thanh lý, nhượng bán		(114.938.000)		(463.205.712)	(578.143.712)
Giảm khác theo thông tư 45		(202.180.936)	(101.296.790)	(10.597.858.207)	(10.901.335.933)
Số cuối năm	<u>10.397.348.781</u>	<u>8.704.832.176</u>	<u>52.307.068.467</u>	<u>10.725.962.388</u>	<u>82.135.211.812</u>

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng			14.960.065.804	4.097.230.053	19.057.295.857
---	--	--	----------------	---------------	----------------

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	1.828.518.385	2.640.571.938	27.413.640.109	13.864.200.924	45.746.931.356
Khấu hao trong năm	405.195.404	1.597.160.596	3.672.485.821	1.993.443.790	7.668.285.611
Phân loại			85.442.330	(85.442.330)	
Thanh lý, nhượng bán		(68.938.000)		(404.346.716)	(473.284.716)
Giảm khác theo thông tư 45	(63.566.583)	(129.306.269)	(21.172.616)	(6.640.156.429)	(6.854.201.897)
Số cuối năm	<u>2.170.147.206</u>	<u>4.039.488.265</u>	<u>31.150.395.644</u>	<u>8.727.699.239</u>	<u>46.087.730.354</u>

Giá trị còn lại

Số đầu năm	8.568.830.396	5.310.267.013	24.994.725.148	7.185.204.203	46.059.026.760
Số cuối năm	<u>8.227.201.575</u>	<u>4.691.435.012</u>	<u>21.156.672.823</u>	<u>1.972.172.048</u>	<u>36.047.481.458</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	44.795.404.000	3.342.273.011	48.137.677.011
Mua mới		107.000.000	107.000.000
Số cuối năm	44.795.404.000	3.449.273.011	48.244.677.011
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		1.352.000.000	1.352.000.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm		1.825.087.750	1.825.087.750
Khấu hao		686.008.707	686.008.707
Số cuối năm		2.511.096.457	2.511.096.457
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	44.795.404.000	1.517.185.261	46.312.589.261
Số cuối năm	44.795.404.000	938.176.554	45.733.580.554

11. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ cam kết	Giá trị	Tỷ lệ cam kết	Giá trị
Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện ^(a)	49%	89.032.805.861	49%	91.085.353.569
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Lanexang ^(b)	40%	12.365.608.249	40%	12.084.724.249
Công ty Cổ phần Viễn thông Tin học Điện tử ^(c)	21,3%	11.647.802.282	21,3%	11.411.192.369
Cộng		113.046.216.392		114.581.270.187

Giá trị phần sở hữu của Tổng Công ty tại các công ty liên kết, liên doanh như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Phần lãi hoặc lỗ trong kỳ	Cổ tức, lợi nhuận đã nhận trong kỳ	Các khoản tăng, giảm khác	Giá trị phần sở hữu cuối năm
^(a)	91.085.353.569	(1.789.743.043)		(262.804.665)	89.032.805.861
^(b)	12.084.724.249	912.084.000	(377.640.000)	(253.560.000)	12.365.608.249
^(c)	11.411.192.369	614.859.222	(510.472.000)	132.222.691	11.647.802.282
Cộng	114.581.270.187	(262.799.821)	(888.112.000)	(384.141.974)	113.046.216.392

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**12. Đầu tư dài hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
<i>Đầu tư cổ phiếu</i>		60.695.000.000		80.975.000.000
Công ty Cổ phần Trúc Thôn	300.000	3.600.000.000	300.000	3.600.000.000
Công ty Cổ phần Chế biến thủy sản Út Xi	1.000.000	15.000.000.000	1.000.000	15.000.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Bưu điện	294.000	2.940.000.000	294.000	2.940.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ số liệu Toàn Cầu	1.708.000	17.080.000.000	1.708.000	17.080.000.000
Công ty Cổ phần Huawei Việt Nam	580.000	5.800.000.000	580.000	5.800.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Thế hệ mới	75.000	750.000.000	75.000	750.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Phương Nam	1.250.000	14.900.000.000	1.250.000	14.900.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ và Truyền thông	62.500	625.000.000	62.500	625.000.000
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng			2.600.000	20.280.000.000
<i>Tiền gửi có kỳ hạn</i>		154.400.000.000		3.180.000.000
<i>Ủy thác quản lý danh mục đầu tư</i>		9.861.381.283		8.919.357.763
<i>Cho vay ủy thác</i>		70.850.308.803		71.171.353.803
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long		34.264.000.000		34.264.000.000
Ngân hàng TMCP Hàng hải – Chi nhánh Hà Nội		22.500.000.000		22.700.000.000
Trung tâm kinh doanh Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam		14.086.308.803		14.207.353.803
<i>Đầu tư dài hạn khác</i>		61.010.347.222		57.910.347.222
Đầu tư dự án kinh doanh bất động sản qua Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện		42.910.347.222		42.910.347.222
Ủy thác quản lý vốn qua Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện		18.100.000.000		15.000.000.000
Cộng		356.817.037.308		222.156.058.788

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác:

- Bán 2.600.000 cổ phiếu của Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng.
- Chuyển tiền gửi có kỳ hạn sang ủy thác quản lý danh mục đầu tư Công ty Cổ phần đầu tư IPA 1.000.000.000 đồng và trả phí quản lý tài khoản năm 2013 là 57.976.480 đồng.
- Chuyển tiền ủy thác quản lý vốn qua Công ty Cổ phần Bất Động sản Bưu Điện 3.100.000.000 đồng.
- Thu gốc tiền gửi ủy thác Ngân hàng TMCP Hàng Hải – Chi nhánh Hà Nội, số tiền 200.000.000 đồng.
- Thu gốc tiền gửi ủy thác Trung tâm kinh doanh Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam, số tiền: 121.045.000 đồng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**13. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số đầu năm	4.335.482.354	2.006.028.839
Trích lập bổ sung	3.088.467.175	2.839.453.515
Hoàn nhập dự phòng	(925.504.936)	(510.000.000)
Số cuối năm	<u>6.498.444.593</u>	<u>4.335.482.354</u>

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối năm</u>
Mua sắm TSCĐ	65.776.272			(65.776.272)	
XDCB dở dang	109.443.589.754	16.622.268.205	(851.246.694)	(542.227.043)	124.672.384.222
Sàn Handico 6	26.911.649.250	8.000.000.000			34.911.649.250
Sàn Thương mại Thụy lợi 4	78.795.454.546	5.000.000.000			83.795.454.546
Cửa hàng Xăng dầu Cái Lắc	70.271.484			(70.271.484)	
Công trình inbuilding	3.666.214.474	3.622.268.205	(851.246.694)	(471.955.559)	5.965.280.426
Cộng	<u>109.509.366.026</u>	<u>16.622.268.205</u>	<u>(851.246.694)</u>	<u>(608.003.315)</u>	<u>124.672.384.222</u>

15. Bất động sản đầu tư

Là quyền sử dụng lâu dài 909,8 m² đất tại Hòa Phú, Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ586180 do UBND tỉnh Bình Dương cấp ngày 11/01/2011.

16. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	2.363.538.707	2.138.451.382
Chi phí thuê nhà	3.462.322.861	4.864.804.646
Chi phí phát triển đại lý	1.446.990.993	2.267.695.553
Các khoản chi phí khác	2.134.318.112	2.332.351.077
Cộng	<u>9.407.170.673</u>	<u>11.603.302.658</u>

17. Vay ngắn hạn

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính là khoản vay ngắn hạn Ngân hàng thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình (Vietinbank Ba Đình). Chi tiết như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay theo hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐTDHM-PGD3 ⁽¹⁾		18.000.000.000
Vay theo hợp đồng tín dụng số 33.2013/HĐTDUT-PKHCHN ⁽⁴⁾	3.500.000.000	
Cộng	<u>3.500.000.000</u>	<u>18.000.000.000</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(i) Khoản vay để bổ sung vốn lưu động, hạn mức vay là 15 tỷ đồng, lãi suất bình quân trong năm là 11%/năm. Khoản vay này được bảo đảm bằng tín chấp và bằng hợp đồng tiền gửi số 2009128/HD9TG/PTI – Seabank Ba Đình của Công ty Cổ phần Bảo Hiểm Bưu Điện gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á (Seabank) – Chi nhánh Ba Đình ngày 20/9/2012, tổng giá trị 20.000.000.000 VND theo hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 2012/2012/HĐ-PKHCN ngày 20/12/2012.

(ii) Khoản vay để thanh toán tiền mua hàng. Khoản tiền được Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình cho vay theo thư mời ủy thác số 586/CV-PTI - ĐT về việc mời tham gia ủy thác cho vay vốn của Tổng Công ty Cổ phần Bảo Hiểm Bưu Điện. Số tiền vay là 10 tỷ đồng, thời hạn vay 12 tháng. Lãi suất tiền vay là 11,5%/năm (bao gồm phí ủy thác 0,5% và lãi cho vay là 11%/năm). Khoản vay này được đảm bảo bằng hình thức tín chấp.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Số tiền vay			
	Số đầu năm	phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	18.000.000.000	41.000.000.000	(55.500.000.000)	3.500.000.000
<i>Vay theo hợp đồng số 01/2012/HĐTDHM-PGD3</i>	<i>18.000.000.000</i>	<i>31.000.000.000</i>	<i>(49.000.000.000)</i>	
<i>Vay theo hợp đồng số 33.2013/HĐTDUT-PKHCN</i>		<i>10.000.000.000</i>	<i>(6.500.000.000)</i>	<i>3.500.000.000</i>
Vay các nhân khác		500.000.000	(500.000.000)	
Cộng	18.000.000.000	41.500.000.000	(56.000.000.000)	3.500.000.000

18. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả về hoạt động bảo hiểm gốc	51.004.435.306	47.557.078.442
Phải trả về hoàn phí bảo hiểm	18.085.389	18.085.389
Phải trả về hoạt động tái bảo hiểm	30.478.784.491	11.735.454.438
Phải trả nhà đồng bảo hiểm	5.480.674.208	4.243.670.699
Phải trả cho nhà cung cấp khác	18.875.564.158	24.964.308.756
Cộng	105.857.543.552	88.518.597.724

19. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước bảo hiểm gốc	4.256.561.286	6.191.479.172
Người mua trả tiền trước khác	87.815.925	274.662.102
Cộng	4.344.377.211	6.466.141.274

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	6.194.310.038	6.571.668.414
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		98.959.035
Thuế xuất nhập khẩu		47.123.350
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.361.252.955	17.200.855.901
Thuế thu nhập cá nhân	1.653.668.293	1.334.290.488
Các loại thuế khác	139.181.313	140.912.626
Cộng	<u>21.348.412.599</u>	<u>25.393.809.814</u>

Thuế giá trị gia tăng

Tổng Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10 %.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tổng Công ty phải nộp thuế TNDN cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	71.960.672.897	85.585.069.763
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế :	(3.989.589.797)	(2.210.176.527)
- Các khoản điều chỉnh tăng	3.518.877.391	4.708.123.473
Lợi nhuận (lỗ) trong Công ty liên kết	1.150.911.821	3.780.713.591
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		12.167.497
Hủy bút toán hoàn nhập dự phòng Công ty liên kết		625.886.830
Lỗ Công ty Con	998.561.619	
Truy thu thuế theo quyết toán thuế		224.358.130
Chi phí không hợp lệ	1.369.403.951	64.997.425
- Các khoản điều chỉnh giảm	(7.508.467.187)	(6.918.300.000)
Bất lợi thương mại	(280.000.000)	
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm trước đã thực hiện trong năm	(190.713.240)	
Hoàn nhập dự phòng công ty con	(863.601.947)	
Cổ tức và lợi nhuận được chia	(6.174.152.000)	(6.918.300.000)
Thu nhập tính thuế	67.971.083.100	83.374.893.236
Trong đó:		
Thu nhập chịu thuế suất 20%	1.565.725.749	
Thu nhập chịu thuế suất 25%	66.405.357.351	
Thuế suất ưu đãi	20%	
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	16.914.484.488	20.843.723.309

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm theo Thông tư 140/2012/TT-BTC</i>		<i>(335.521.306)</i>
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>	<i>11.720.864</i>	
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>16.926.205.352</u>	<u>20.508.202.003</u>

Các loại thuế khác

Tổng Công ty kê khai và nộp theo qui định.

21. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	774.865.492	394.016.136
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	434.419.602	1.055.496.021
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	7.039.587.450	6.510.302.592
Thuế nhà thầu tạm giữ	2.247.788.899	2.190.252.657
Phải trả phải nộp khác	27.461.399.085	10.046.578.926
Cộng	<u>37.958.060.528</u>	<u>20.196.646.332</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2.2. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự trữ bất buộc	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	450.000.000.000	114.253.305.488	16.142.724.236	15.814.608.483	67.663.103.087	663.873.741.294
Tăng vốn trong năm từ phát hành cổ phiếu thường	53.957.090.000	(53.957.090.000)				
Lợi nhuận trong năm					64.495.965.764	64.495.965.764
Trích lập các quỹ trong năm			690.870.575	6.635.329.501	(13.199.571.137)	(5.873.371.061)
Chia cổ tức					(58.500.000.000)	(58.500.000.000)
Chi thù lao và thưởng HĐQT					(1.062.645.399)	(1.062.645.399)
Giảm thay đổi tỷ lệ lợi ích trong Công ty con, Công ty liên kết					9.470.789	9.470.789
Điều chỉnh giảm lợi nhuận tại Công ty liên kết					(922.882.182)	(922.882.182)
Chia lãi bên liên doanh					(241.163.409)	(241.163.409)
Số dư cuối năm trước	503.957.090.000	60.296.215.488	16.833.594.811	22.449.937.984	58.242.277.513	661.779.115.796
Số dư đầu năm nay	503.957.090.000	60.296.215.488	16.833.594.811	22.449.937.984	58.242.277.513	661.779.115.796
Lợi nhuận trong năm					54.853.290.963	54.853.290.963
Trích lập các quỹ trong năm					(2.127.119.519)	(1.439.916.963)
Chia cổ tức năm nay			661.029.864	26.172.692	(55.435.279.900)	(55.435.279.900)
Chi thù lao và thưởng HĐQT					(641.429.864)	(641.429.864)
Giảm thay đổi tỷ lệ lợi ích trong Công ty con					368.955.669	368.955.669
Điều chỉnh giảm lợi nhuận tại Công ty liên kết					(384.141.974)	(384.141.974)
Chia lãi bên liên doanh					(314.720.876)	(314.720.876)
Giảm khác					(2.940.000)	(2.940.000)
Số cuối năm	503.957.090.000	60.296.215.488	17.491.684.675	22.476.110.676	54.561.832.012	658.782.932.851

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)*Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu*

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn góp của các cổ đông	503.957.090.000	450.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	60.296.215.488	114.253.305.488
Cộng	<u>564.253.305.488</u>	<u>564.253.305.488</u>

Cổ tức

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ tức chưa trả đầu năm	6.510.302.592	5.188.110.604
Cổ tức năm 2013 đã công bố (11% mệnh giá)	55.435.279.900	58.500.000.000
Cổ tức đã trả	(54.813.655.042)	(57.177.808.012)
Cộng	<u>7.131.927.450</u>	<u>6.510.302.592</u>

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	50.400.000	50.400.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	50.395.709	50.395.709
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại		
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	50.395.709	50.395.709

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

23. Lợi ích cổ đông thiểu số

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	4.310.832.819	5.741.077.016
Lợi ích sau thuế của cổ đông thiểu số	(34.723.905)	580.901.996
Giảm do thay đổi tỷ lệ	(2.800.000.000)	(1.227.372.392)
Giảm do chia cổ tức, lợi nhuận	(121.200.000)	(655.765.068)
Giảm do chia lãi cho các bên liên doanh	(21.279.124)	(94.836.591)
Tăng, giảm khác	(378.457.167)	(33.172.142)
Số cuối năm	<u>955.172.623</u>	<u>4.310.832.819</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu hoạt động kinh doanh bảo hiểm**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	1.644.403.118.634	1.822.547.973.045
- <i>Doanh thu bảo hiểm gốc</i>	1.478.443.828.460	1.663.194.286.589
- <i>Doanh thu nhận tái bảo hiểm</i>	97.901.515.041	89.582.865.405
- <i>Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm</i>	67.482.408.759	66.128.174.319
- <i>Doanh khác</i>	575.366.374	3.642.646.732
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(281.839.830.865)	681.148.503.751
- <i>Phí nhượng tái bảo hiểm</i>	(259.799.149.388)	509.509.159.202
- <i>Giảm phí bảo hiểm</i>	(7.448.326.622)	9.989.532.234
- <i>Hoàn phí bảo hiểm</i>	(14.592.354.855)	16.024.183.637
Tăng (Giảm) dự phòng phí	(40.193.294.216)	145.625.628.678
Doanh thu thuần	<u>1.322.369.993.553</u>	<u>1.141.399.469.294</u>

2. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu hoạt động kinh doanh xăng dầu	193.899.021.248	315.700.922.391
Doanh thu cung cấp thiết bị viễn thông và công trình inbuilding	19.306.945.825	18.985.646.049
Cộng	<u>213.205.967.073</u>	<u>334.686.568.440</u>

3. Giá vốn cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn xăng dầu đã bán	189.564.787.863	304.730.505.013
Giá vốn thiết bị viễn thông và công trình inbuilding đã cung cấp	14.739.193.186	14.072.852.728
Cộng	<u>204.303.981.049</u>	<u>318.803.357.741</u>

4. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí phát triển mạng lưới đại lý bảo hiểm và dịch vụ sau bán hàng	91.583.911.033	64.010.057.119
Chi phí hoạt động kinh doanh xăng dầu	1.552.143.748	3.654.478.431
Cộng	<u>93.136.054.781</u>	<u>67.664.535.550</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	188.141.981.529	156.236.790.188
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	24.989.219.582	25.084.255.914
Chi phí công cụ, dụng cụ quản lý	7.929.224.287	8.565.312.273
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.520.707.898	10.820.453.557
Thuế, phí và lệ phí	6.776.682.770	7.322.077.992
Chi phí dự phòng	5.591.556.972	8.185.394.961
Chi phí dịch vụ mua ngoài	60.140.654.622	57.429.125.503
Chi phí khác bằng tiền	136.741.972.260	150.712.656.819
Cộng	<u>437.831.999.920</u>	<u>424.356.067.207</u>

6. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	71.256.415.418	68.264.318.650
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	516.144.346	850.704.392
Lãi tiền cho vay uỷ thác	4.665.560.567	17.020.206.105
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu		3.082.500.787
Lãi kinh doanh chứng khoán	15.132.260.625	11.617.610.679
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.174.152.000	6.918.300.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	414.651.143	1.509.231.061
Doanh thu tài chính từ kinh doanh bất động sản	867.280.556	210.690.900
Lãi thanh lý khoản đầu tư dài hạn	1.820.000.000	
Doanh thu tài chính khác	505.277.254	3.536.258.692
Cộng	<u>101.351.741.909</u>	<u>113.009.821.266</u>

7. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	27.614.774	190.713.240
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	551.948.098	910.977.498
Lỗ kinh doanh chứng khoán	5.520.857.793	8.283.994.900
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư dài hạn khác		330.000.000
Dự phòng lãi dự thu đầu tư tài chính	14.916.305.837	
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	3.200.087.678	4.716.575.382
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	(1.682.333.436)	(5.750.796.449)
Lãi vay	2.055.829.541	2.637.433.795
Chi phí tài chính khác	10.250.638.541	540.928.772
Cộng	<u>34.840.948.826</u>	<u>11.859.827.138</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	54.853.290.963	64.495.965.764
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	54.853.290.963	64.495.965.764
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	50.395.709	50.395.709
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>1.088</u>	<u>1.280</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:		
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	50.395.709	50.395.709
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại		
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>50.395.709</u>	<u>50.395.709</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương Ban điều hành	2.862.000.000	2.625.135.409
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	708.272.726	618.100.000
Cộng	<u>3.570.272.726</u>	<u>3.243.235.409</u>

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tổng Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	Cổ đông sáng lập
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	Cổ đông sáng lập
Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam	Cổ đông sáng lập

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Tổng Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam</i>		
Doanh thu phí bảo hiểm gốc các đơn vị thành viên trong Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam		295.542.943.043
<i>Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam</i>		
Doanh thu phí bảo hiểm gốc các đơn vị thành viên trong Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam	107.986.055.236	

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh</i>		
<i>Nhận tái bảo hiểm</i>		
Phí nhận tái bảo hiểm	270.353.528	731.588.793
Chi hoa hồng nhận tái bảo hiểm	76.657.376	222.129.455
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	73.458.718	284.823.911
Chi khác nhận tái bảo hiểm	1.151.038	1.710.352
<i>Nhượng tái bảo hiểm</i>		
Phí nhượng tái bảo hiểm	833.032.599	5.357.056.465
Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	289.709.759	1.432.357.940
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	254.916.870	593.820.132
<i>Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam</i>		
<i>Nhận tái bảo hiểm</i>		
Phí nhận tái bảo hiểm	20.372.021.542	50.833.401.791
Chi hoa hồng nhận tái bảo hiểm	4.935.698.193	10.613.761.846
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	13.016.385.789	30.979.752.979
Chi khác nhận tái bảo hiểm	792.750	264.957.608
<i>Nhượng tái bảo hiểm</i>		
Phí nhượng tái bảo hiểm	16.190.416.948	55.938.269.646
Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	3.590.736.119	11.582.363.218
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	4.943.775.608	18.986.257.587
Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam	279.514.240	3.898.205.475
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	6.894.007.067	1.259.220.224
Cộng nợ phải trả	<u>7.173.521.307</u>	<u>5.157.425.699</u>

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tổng Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tổng Công ty cung cấp.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực bảo hiểm: cung cấp các sản phẩm dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ.
- Lĩnh vực khác: kinh doanh sản phẩm thuộc lĩnh vực xăng dầu, kinh doanh thiết bị viễn thông và công trình inbuilding.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

Năm nay	Lĩnh vực kinh		
	doanh bảo hiểm	Lĩnh vực khác	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.322.369.993.553	213.205.967.073	1.535.575.960.626
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần	1.322.369.993.553	213.205.967.073	1.535.575.960.626
Chi phí bộ phận	1.317.786.265.261	210.919.866.311	1.528.706.131.572
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	4.583.728.292	2.286.100.762	6.869.829.054
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			6.869.829.054
Doanh thu hoạt động tài chính			101.351.741.909
Chi phí tài chính			(34.840.948.826)
Thu nhập khác			765.429.979
Chi phí khác			(1.034.467.398)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết			(1.150.911.821)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(16.926.205.352)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			(215.900.487)
Lợi nhuận sau thuế TNDN			54.818.567.058
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	36.628.765.066	4.564.821.348	41.193.586.414
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	28.037.485.754	2.538.473.719	30.575.959.473
Năm trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.141.399.469.294	334.686.568.440	1.476.086.037.734
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần	1.141.399.469.294	334.686.568.440	1.476.086.037.734
Chi phí bộ phận	1.161.732.837.428	328.004.420.129	1.489.737.257.557
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(20.333.368.134)	6.682.148.311	(13.651.219.823)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			<u>(13.651.219.823)</u>
Doanh thu hoạt động tài chính			113.009.821.266
Chi phí tài chính			(11.859.827.138)
Thu nhập khác			2.271.954.263
Chi phí khác			(404.945.214)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết			(3.780.713.591)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(20.508.202.003)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			65.076.867.760
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	73.749.499.058	3.100.689.896	76.850.188.954
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	25.207.579.983	1.605.792.454	26.813.372.437

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

	<u>Lĩnh vực bảo hiểm</u>	<u>Lĩnh vực khác</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	<u>1.679.881.053.742</u>	<u>46.458.373.192</u>	1.726.339.426.934
Tài sản phân bổ cho bộ phận			
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			
Tổng tài sản			<u>1.726.339.426.934</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	<u>1.043.082.955.646</u>	<u>23.518.365.814</u>	1.066.601.321.460
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			
Tổng nợ phải trả			<u>1.066.601.321.460</u>
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	<u>1.590.297.179.272</u>	<u>68.493.651.506</u>	1.658.790.830.778
Tài sản phân bổ cho bộ phận			
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			
Tổng tài sản			<u>1.658.790.830.778</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	<u>949.939.744.701</u>	<u>42.761.137.462</u>	992.700.882.163
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			
Tổng nợ phải trả			<u>992.700.882.163</u>
Khu vực địa lý			

Toàn bộ hoạt động của Tổng Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Tổng Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty.

Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tổng Công ty liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tổng Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	46.283.085.159				46.283.085.159
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo KQHĐKD	38.681.494.305			5.231.870.503	43.913.364.808
Các khoản đầu tư nằm giữ đến ngày đáo hạn	845.030.656.025				845.030.656.025
Phải thu khách hàng	143.253.297.841			52.390.309.678	195.643.607.519
Các khoản phải thu khác	113.917.809.503			20.834.967.592	134.752.777.094
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	49.095.000.000			45.981.381.283	95.076.381.283
Cộng	1.236.261.342.833			124.438.529.056	1.360.699.871.888
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	72.097.225.837				72.097.225.837
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo KQHĐKT	14.261.501.034			9.500.628.500	23.762.129.534
Các khoản đầu tư nằm giữ đến ngày đáo hạn	721.861.701.025				721.861.701.025
Phải thu khách hàng	154.448.482.433			44.631.953.898	199.080.436.331
Các khoản phải thu khác	123.619.774.186			5.700.800.413	129.320.574.599
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	117.955.000.000			15.459.357.763	133.414.357.763
Cộng	1.204.243.684.515			75.292.740.574	1.279.536.425.089

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tổng Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	3.500.000.000			3.500.000.000
Phải trả người bán	105.857.543.552			105.857.543.552
Các khoản phải trả khác	37.118.164.453	1.290.163.136		38.408.327.589
Cộng	146.475.708.005	1.290.163.136		147.765.871.141
Số đầu năm				
Vay và nợ	18.100.000.000			18.100.000.000
Phải trả người bán	88.518.597.724			88.518.597.724
Các khoản phải trả khác	19.414.736.059	441.163.136		19.855.899.195
Cộng	126.033.333.783	441.163.136		126.474.496.919

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Tổng Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá chứng khoán.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 01 tháng 01 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tổng Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tổng Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Tổng Công ty như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	46.283.085.159	72.097.225.837
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	845.030.656.025	721.861.701.025
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần	<u>891.313.741.184</u>	<u>793.958.926.862</u>

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Tổng Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu giá các chứng khoán Tổng Công ty đang đầu tư tăng/giảm 1% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Tổng Công ty sẽ tăng/giảm 328.513.082 VND (cùng kỳ năm trước tăng/giảm 178.215.972 VND) do giảm/tăng dự phòng. Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của giá chứng khoán năm nay không thay đổi nhiều so với năm trước. Mức độ nhạy cảm đối với sự thay đổi của giá chứng khoán năm nay tăng/giảm so với năm trước do Tổng Công ty thay đổi cơ cấu đầu tư chứng khoán và giá chứng khoán đầu năm và cuối năm không biến động lớn.

Tài sản đảm bảo

Tổng Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 01 tháng 01 năm 2013 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	46.283.085.159		72.097.225.837		46.283.085.159	72.097.225.837
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	43.913.364.808	(111.620.503)	23.762.129.534	(756.828.500)	43.801.744.305	23.005.301.034
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	845.030.656.025		721.861.701.025		845.030.656.025	721.861.701.025
Phải thu khách hàng	195.643.607.519	(28.867.973.068)	199.080.436.331	(23.505.658.390)	166.775.634.451	175.574.777.941
Các khoản phải thu khác	134.752.777.094	(20.834.967.592)	129.320.574.599	(5.689.419.461)	113.917.809.503	123.631.155.138
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	95.076.381.283	(6.498.444.593)	133.414.357.763	(4.335.482.354)	88.577.936.690	129.078.875.409
Cộng	1.360.699.871.888	(56.313.005.755)	1.279.536.425.089	(34.287.388.705)	1.304.386.866.133	1.245.249.036.384

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ	3.500.000.000	18.100.000.000	3.500.000.000	18.100.000.000
Phải trả người bán	105.857.543.552	88.518.597.724	105.857.543.552	88.518.597.724
Các khoản phải trả khác	38.408.327.589	19.855.899.195	38.408.327.589	19.855.899.195
Cộng	147.765.871.141	126.474.496.919	147.765.871.141	126.474.496.919

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Tổng Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc năm tài chính thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.
- Giá trị hợp lý của các khoản cho vay, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác dài hạn.
- Tổng Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

THH



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	59,34	65,75
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	40,66	34,25
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	61,78	59,84
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	38,22	40,16
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,62	1,67
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	5,03	5,87
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,23	0,39
Khả năng thanh toán nợ dài hạn	Lần	19,32	13,96
Tỷ suất sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	4,69	5,38
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	3,57	4,09
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	4,17	5,16
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	3,18	3,92
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	8,32	9,83

6. Biên khả năng thanh toán (Xem phụ lục trang 56-57)

Người lập biểu

Nguyễn Ngọc Khuê

Q.Kế toán trưởng

Cao Thu Hiền

Lập, ngày 29 tháng 3 năm 2014

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trường Giang

BIÊN KHẢ NĂNG THANH TOÁN

	Đơn vị tính: VND	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
I. Chênh lệch giữa giá trị tài sản và các khoản nợ phải	659.738.105.474	666.089.948.615
1. Tổng Tài sản doanh nghiệp	1.726.339.426.934	1.658.790.830.778
2. Nợ phải trả	1.066.601.321.460	992.700.882.163
II. Giá trị tài sản bị loại trừ	331.803.732.712	295.096.998.099
<i>1. Các tài sản bị loại trừ toàn bộ giá trị hạch toán</i>	<i>78.047.053.117</i>	<i>55.418.883.675</i>
1.1 Các khoản góp vốn để thành lập doanh nghiệp bảo hiểm khác từ nguồn vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp Bảo hiểm	11.700.000.000	11.700.000.000
1.2 Tài sản tương ứng với quỹ khen thưởng phúc lợi	39.637	-
1.3 Các khoản công nợ không có khả năng thu hồi theo quy định của pháp luật sau khi trừ đi các khoản trích lập dự phòng nợ khó đòi tương ứng	-	-
1.4 Tài sản cố định vô hình (trừ phần mềm máy tính)	-	-
1.5 Chi phí trả trước, cho vay không có bảo lãnh, các khoản tạm ứng, trang thiết bị và đồ dùng văn phòng, các khoản phải thu nội bộ	28.052.822.390	27.807.962.778
1.6 Phải thu phí bảo hiểm và phí nhận tái bảo hiểm quá hạn trên 2 năm sau khi đã trừ các khoản trích lập dự phòng nợ khó đòi tương ứng theo quy định của pháp luật	9.946.381.382	1.703.567.094
1.7 Các khoản cho vay, đầu tư trở lại cho các cổ đông hoặc người có liên quan quy định tại Điều 4 Luật Doanh nghiệp trừ trường hợp là các khoản tiền gửi ngân hàng	28.347.809.708	14.207.353.803
<i>2. Các tài sản bị loại trừ một phần giá trị hạch toán</i>	<i>253.756.679.595</i>	<i>239.678.114.424</i>
2.1 Các Tài sản đầu tư	45.528.532.988	48.197.072.832
a) Trái phiếu doanh nghiệp có bảo lãnh: loại trừ 1% giá trị hạch toán;	-	-
b) Trái phiếu doanh nghiệp không có bảo lãnh: loại trừ 3% giá trị hạch toán;	-	-
c) Cổ phiếu được niêm yết: loại trừ 15% giá trị hạch toán;	4.447.779.585	3.564.319.430
d) Cổ phiếu không được niêm yết: loại trừ 20% giá trị hạch toán;	12.139.000.000	16.195.000.000
đ) Đầu tư trực tiếp vào bất động sản do chính doanh nghiệp sử dụng: loại trừ 8% giá trị hạch toán;	4.143.213.402	4.143.213.402
e) Đầu tư trực tiếp vào bất động sản để cho thuê, các khoản cho vay thương mại có bảo lãnh: loại trừ 15% giá trị hạch toán;	-	-
g) Vốn góp vào các doanh nghiệp khác trừ doanh nghiệp bảo hiểm: loại trừ 20% giá trị hạch toán.	24.798.540.000	24.294.540.000

BIÊN KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Đơn vị tính: VND

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
2.2 Các khoản phải thu	4.989.441.122	5.076.193.600
a) Phải thu phí bảo hiểm và phí nhận tái bảo hiểm quá hạn từ 180 ngày đến dưới 01 năm sau khi đã trừ các khoản trích lập dự phòng nợ khó đòi tương ứng theo quy định của pháp luật: loại trừ 30%	2.697.804.738	2.694.227.029
b) Phải thu phí bảo hiểm và phí nhận tái bảo hiểm quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm sau khi đã trừ các khoản trích lập dự phòng nợ khó đòi tương ứng theo quy định của pháp luật: loại trừ 50%	2.291.636.384	2.381.966.572
2.3 Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính và hàng tồn kho: loại trừ 25% giá trị hạch toán	11.407.912.964	1.188.357.116
2.4 Tài sản khác: loại trừ 15% giá trị hạch toán	191.830.792.522	185.216.490.875
III. Biên khả năng thanh toán của doanh nghiệp (I-II)	<u>327.934.372.762</u>	<u>370.992.950.516</u>
IV. Biên khả năng thanh toán tối thiểu 25% Tổng phí bảo hiểm giữ lại	323.626.378.159	304.046.140.184
So sánh Biên khả năng thanh toán và Biên khả năng thanh toán tối thiểu (III và IV)		
Chênh lệch theo số tuyệt đối	4.307.994.603	66.946.810.333
Chênh lệch theo tỷ lệ %	101%	122%

Lập, ngày 29 tháng 3 năm 2014

Người lập biểu

Nguyễn Ngọc Khuê

Q.Kế toán trưởng

Cao Thu Hiền

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN TRƯỜNG GIANG

